

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 30 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách trung ương
và vốn ngân sách tỉnh đối ứng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các bộ, cơ quan ở cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 220.600 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách trung ương: 198.139 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: 22.461 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, DT(02).

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
A	B	1	2	3	4
TỔNG CỘNG		220.600	198.139	22.461	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	12.391	11.264	1.127	
1	Huyện Sơn Hà	1.362	1.238	124	
2	Huyện Sơn Tây	2.243	2.039	204	
3	Huyện Trà Bồng	3.423	3.112	311	
4	Huyện Ba Tơ	4.286	3.896	390	
5	Huyện Minh Long	945	859	86	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
6	Huyện Nghĩa Hành	132	120	12	
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	4.734	4.304	430	
1	Huyện Sơn Hà	229	209	20	
2	Huyện Sơn Tây	1.615	1.469	146	
3	Huyện Trà Bồng	1.732	1.574	158	
4	Huyện Ba Tơ	345	314	31	
5	Huyện Minh Long	813	738	75	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	138.788	124.421	14.367	
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	83.056	73.893	9.163	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	40.788	35.468	5.320	
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	40.788	35.468	5.320	
	Phân bổ cho các huyện theo tiêu chí	42.268	38.425	3.843	
1	Huyện Sơn Hà	3.124	2.840	284	
2	Huyện Sơn Tây	14.785	13.441	1.344	
3	Huyện Trà Bồng	10.751	9.774	977	
4	Huyện Ba Tơ	12.681	11.528	1.153	
5	Huyện Minh Long	927	842	85	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	55.732	50.528	5.204	
	* Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	3.517	3.197	320	
1	Huyện Trà Bồng	3.517	3.197	320	
	* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	52.215	47.331	4.884	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	3.483	3.030	453	
1	Sở Công Thương	1.161	1.010	151	
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1.161	1.010	151	
3	Tinh đoàn	-	-	-	
3	Hội Nông dân tỉnh	1.161	1.010	151	
5	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	-	
	Phân bổ cho các huyện theo tiêu chí	48.732	44.301	4.431	
1	Huyện Sơn Hà	9.570	8.700	870	
2	Huyện Sơn Tây	8.879	8.071	808	
3	Huyện Trà Bồng	13.385	12.168	1.217	
4	Huyện Ba Tơ	14.643	13.311	1.332	
5	Huyện Minh Long	1.963	1.785	178	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
6	Huyện Nghĩa Hành	292	266	26	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	12.258	11.144	1.114	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12.258	11.144	1.114	
1	Huyện Sơn Hà	2.354	2.140	214	
2	Huyện Sơn Tây	2.144	1.949	195	
3	Huyện Trà Bồng	3.191	2.901	290	
4	Huyện Ba Tơ	3.834	3.486	348	
5	Huyện Minh Long	651	591	60	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
6	Huyện Nghĩa Hành	84	77	7	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	23.033	20.550	2.483	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	10.264	9.246	1.018	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	2.127	1.849	278	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.127	1.849	278	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	8.137	7.397	740	
1	Huyện Sơn Hà	-	-	-	
1	Huyện Sơn Tây	1.848	1.680	168	
2	Huyện Trà Bồng	4.827	4.388	439	
3	Huyện Ba Tơ	717	652	65	
4	Huyện Minh Long	745	677	68	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
II	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.372	5.542	830	
	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	3.186	2.771	415	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	3.186	2.771	415	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	-	
1	Sở Nội vụ	3.186	2.771	415	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	-	-	-	
	Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học	3.186	2.771	415	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	3.186	2.771	415	
1	Sở Nội vụ	1.561	1.358	203	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.625	1.413	212	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	-	-	-	
III	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	6.397	5.762	635	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.326	1.152	174	
1	Sở Nội vụ	663	576	87	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	663	576	87	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	5.071	4.610	461	
1	Huyện Sơn Hà	1.800	1.636	164	
2	Huyện Sơn Tây	179	163	16	
3	Huyện Trà Bồng	2.253	2.049	204	
4	Huyện Ba Tơ	593	539	54	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
5	Huyện Minh Long	180	163	17	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	66	60	6	
IV	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	-	-	-	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	-	-	-	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	-	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	-	-	-	
1	Huyện Sơn Hà	-	-	-	
2	Huyện Sơn Tây	-	-	-	
3	Huyện Trà Bồng	-	-	-	
4	Huyện Ba Tơ	-	-	-	
5	Huyện Minh Long	-	-	-	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
6	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	4.508	4.021	487	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.941	1.688	253	
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.941	1.688	253	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	2.567	2.333	234	
1	Huyện Sơn Hà	801	728	73	
2	Huyện Sơn Tây	493	449	44	
3	Huyện Trà Bồng	242	220	22	
4	Huyện Ba Tơ	719	653	66	
5	Huyện Minh Long	298	271	27	
6	Huyện Bình Sơn	14	12	2	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	6.251	5.657	594	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	649	565	84	
1	Sở Y tế	649	565	84	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	5.602	5.092	510	
1	Huyện Sơn Hà	1.185	1.078	107	
2	Huyện Sơn Tây	952	866	86	
3	Huyện Trà Bồng	1.377	1.251	126	
4	Huyện Ba Tơ	1.715	1.559	156	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
5	Huyện Minh Long	309	280	29	
6	Huyện Bình Sơn	32	29	3	
7	Huyện Tư Nghĩa	32	29	3	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	7.114	6.405	709	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.474	1.281	193	
1	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1.474	1.281	193	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	5.640	5.124	516	
1	Huyện Sơn Hà	1.123	1.020	103	
2	Huyện Sơn Tây	991	900	91	
3	Huyện Trà Bồng	1.431	1.301	130	
4	Huyện Ba Tơ	1.827	1.661	166	
5	Huyện Minh Long	221	200	21	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
6	Huyện Nghĩa Hành	49	44	5	
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	3.331	3.006	325	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	-	-	-	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	-	-	-	
1	Huyện Sơn Hà	-	-	-	
2	Huyện Sơn Tây	-	-	-	
3	Huyện Trà Bồng	-	-	-	
4	Huyện Ba Tơ	-	-	-	
5	Huyện Minh Long	-	-	-	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	
II	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.331	3.006	325	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	518	450	68	
	Sở Dân tộc và Tôn giáo	518	450	68	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	2.813	2.556	257	
1	Huyện Sơn Hà	364	330	34	
2	Huyện Sơn Tây	487	443	44	
3	Huyện Trà Bồng	318	289	29	
4	Huyện Ba Tơ	468	425	43	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
5	Huyện Minh Long	400	364	36	
6	Huyện Bình Sơn	174	158	16	
7	Huyện Tư Nghĩa	252	229	23	
8	Huyện Nghĩa Hành	350	318	32	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	8.192	7.367	825	
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	5.603	5.049	554	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.159	1.009	150	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	870	757	113	
2	Sở Tư pháp	289	252	37	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	4.444	4.040	404	
1	Huyện Sơn Hà	1.136	1.033	103	
2	Huyện Sơn Tây	584	531	53	
3	Huyện Trà Bồng	945	859	86	
4	Huyện Ba Tơ	1.267	1.152	115	
5	Huyện Minh Long	363	330	33	
6	Huyện Bình Sơn	44	40	4	
7	Huyện Tư Nghĩa	66	60	6	
8	Huyện Nghĩa Hành	39	35	4	
II	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.113	1.000	113	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	287	250	37	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	-	
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	172	150	22	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	115	100	15	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	826	750	76	
1	Huyện Sơn Hà	168	153	15	
2	Huyện Sơn Tây	151	137	14	
3	Huyện Trà Bồng	217	198	19	
4	Huyện Ba Tơ	252	229	23	
5	Huyện Minh Long	37	33	4	
6	Huyện Bình Sơn	-	-	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
III	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.476	1.318	158	
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	614	534	80	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	91	79	12	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	45	39	6	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	60	52	8	
4	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	45	39	6	
5	Sở Y tế	45	39	6	
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	45	39	6	
7	Sở Tài chính	74	65	9	
8	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	60	52	8	
9	Sở Tư pháp	30	26	4	
10	Sở Công Thương	29	26	3	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	30	26	4	
12	Sở Nội vụ	30	26	4	
13	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	30	26	4	
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	862	784	78	
1	Huyện Sơn Hà	180	164	16	
2	Huyện Sơn Tây	150	136	14	
3	Huyện Trà Bồng	217	197	20	
4	Huyện Ba Tơ	265	241	24	
5	Huyện Minh Long	43	39	4	
6	Huyện Bình Sơn	4	4	-	
7	Huyện Tư Nghĩa	4	4	-	
8	Huyện Nghĩa Hành	-	-	-	